TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 585/2024/HC-PT
Ngày: 24/10/2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 381/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2024/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11423/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số C đường N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số B đường H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Trần Văn H1 - Luật sư Công ty L và Cộng sự thuộc đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Lô A, khu Đ, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Ông Trần Đại P - Luật sư Công ty L1; địa chỉ: P906 T Khu đô thị M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N; địa chỉ: Lô B, khu đô thị M - Sân bay C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê C; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N; vắng mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Ông Phạm Văn Q; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số C đường N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số B đường H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền ông Phạm Văn Q (văn bản uỷ quyền ngày 13/3/2024):

- Ông Phạm Hữu C1; nơi đăng ký thường trú: Số G N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số A, ngõ P, đường P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Ông Trần Minh P1; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số F ngõ A Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Ông Đặng Đình P2; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

- Ông Ngô Duy H2; nơi đăng ký thường trú: Số D N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số A, ngõ A, đường L, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H; nơi đăng ký thường trú: Số C N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Diện tích đất gia đình bà H sử dụng tại số C đường N có nguồn gốc là đất do gia đình bà Trần Thị S khai hoang, vượt lập. Năm 1979, ông Q (chồng của bà H) nhận chuyển nhượng diện tích đất từ bà S, việc mua bán có lập thành văn bản và có chứng thực chữ ký của UBND phường L ngày 16/02/1994. Quá trình sử dụng đất, năm 1996, thực hiện Dự án Đường E, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của gia đình bà H và xác định loại đất là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi. Năm 2001, UBND phường L tiến hành khảo sát, đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà H và cấp cho gia đình bà Biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất xác định gia đình bà H sử dụng 76,7m^2. Ngày 13/5/2020, Trung tâm K1 lập Trích lục địa chính số 69/2020-TL ghi nhận gia đình bà H sử dụng 79m^2 đất ở. Trong suốt quá trình sử dụng đất, gia đình không có tranh chấp, không có hành vi vi phạm về đất đai nên

đủ điều kiện được bồi thường 100% giá trị quyền sử dụng 79m^2 đất và vật kiến trúc trên đất - khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai 2013. Tuy nhiên tại phiên toà người khởi kiện cho rằng năm 2001 đo vẽ bản đồ địa chính phường thì hộ ông Q, bà H đăng ký tại thửa đất số 57, tờ bản đồ LT-22, diện tích 76,7m^2, mục đích làm nhà ở nên hộ ông Q phải được bồi thường 100% giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 76,7m^2 chứ không phải 79m^2 như trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện đã trình bày.

Khi thu hồi UBND phường và quận đã xác định sai nguồn gốc đất, diện tích thu hồi (chỉ xác định và chi trả bồi thường diện tích đất 58,64m^2), không bồi thường đủ giá trị đất mà không cung cấp được văn bản chứng minh là không đúng. Hợp tác xã N1 là hợp tác xã N1, có trụ sở nằm trên địa giới hành chính huyện A (nay là quận L), tách biệt với quận N, giới hạn bởi đường L và mương An Kim H3; nên việc cho rằng diện tích đất của gia đình bà H thuộc hồ cá Hợp tác xã N1 là không có căn cứ, không có tài liệu chứng minh Hợp tác xã N1 được UBND quận N giao đất, không có biên bản hay quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình bà H.

Khi thu hồi đất, gia đình bà H được hỗ trợ tạm lánh để thuê nhà trong khi chờ đợi việc xây dựng công trình nhà ở trên đất tái định cư; tuy nhiên đến nay đã 01 năm nhưng gia đình người khởi kiện chưa nhận được đất tái định cư trong khi số tiền hỗ trợ đã sử dụng nên gia đình bà H đề nghị chi trả thêm tiền tạm lánh cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên toà sơ thẩm người khởi kiện cho rằng UBND quận N bồi thường với đơn giá đất như phương án bồi thường là chưa chính xác bởi lẽ diện tích đất của người khởi kiện nằm hai mặt đường là Nguyễn Bỉnh K và Bạch Thái B nên phải được tăng thêm 10% theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 quy định về bảng giá đất thành phố năm 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 54 năm 2019 so với Quyết định phê duyệt giá đất số 1535 ngày 26/5/2022.

Ngày 14/12/2022, Chủ tịch UBND quận N tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình người khởi kiện là hoàn toàn trái luật, bởi lẽ: Về nội dung, việc ban hành quyết định cưỡng chế và tổ cưỡng chế thu hồi đất dựa trên căn cứ là các quyết định thu hồi đất trái luật như đã trình bày ở trên; Về trình tự thủ tục, trước khi bị cưỡng chế gia đình bà H hoàn toàn không nhận được quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

UBND phường và quận cho rằng ông Q (chồng bà H) có hành vi xây dựng trái phép nhà, lều quán, lò gạch, ngói, lò vôi và các công trình khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (mương An Kim H3) và lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh tình tiết vi phạm mà không thông báo, gia đình không được giải trình là không đúng. Căn cứ Trích lục địa chính số 69/2020-TL, gia đình người khởi kiện không có hành vi lấn hành lang mương An Kim H3 và hành lang an toàn đường bộ. Từ đó dẫn đến việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định

trong xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng.

Tại phiên toà sơ thẩm người khởi kiện rút yêu cầu buộc UBND quận N phải bồi thường cho gia đình số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Do vậy bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) (gọi tắt là Quyết định 3133).

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Phạm Văn Q (gọi tắt là Quyết định 3148).

- Tuyên hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND quận N là hành vi hành chính trái luật.

- Hủy Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông Phạm Văn Q (gọi tắt là Quyết định 3324).

- Hủy Quyết định số 2540/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc xử phạt vi phạm hành chính (gọi tắt là Quyết định 2540).

- Hủy Quyết định số 2877/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính (gọi tắt là Quyết định 2877)

- Hủy Quyết định số 3246/QĐ-CCXP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (gọi tắt là Quyết định 3246).

Tại Văn bản trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Diện tích đất của hộ ông Phạm Văn Q (vợ là Nguyễn Thị Thu H) bị thu hồi có nguồn gốc là đất hồ cá của Hợp tác xã N1, bà Nguyễn Thị N tự vượt lập trước năm 1980 để làm nhà ở. Sau đó bà N cho con gái là Trần Thị S (Giấy tờ tặng cho đã bị thất lạc). Đến năm 1994, bà Trần Thị S bán lại cho ông Phạm Văn Q và bà Phạm Thị M diện tích 120m^2 (giấy mua bán có xác nhận của UBND phường ngày 16/02/1994).

Theo bản đồ địa chính đường 5 năm 1996, ông Phạm Văn Q đứng tên tại thửa đất số 85, 85a, 85b, diện tích sử dụng là 140,64m^2, phần diện tích biến

động tăng 20,64m^2 so với Đơn nhượng lại nhà ở của UBND phường L ngày 16/02/1994 là do ông Q tự san lấp sau khi có đường bao phía Nam, diện tích 20,64m^2 đã được thu hồi dự án đường 5 năm 1997, diện tích trong chỉ giới thu hồi 82m^2 (thực tế thu hồi là 81,07m^2 trong đó biến động giảm 0,93m^2 do sai khác thực tế kiểm tra đất đai); diện tích còn lại 58,64m^2 là do hộ bà S tự ý chuyển mục đích sử dụng đất làm nhà ở trước ngày 15/10/1993. Hiện tại hộ ông Q sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Năm 2001 đo vẽ bản đồ địa chính phường, ông Phạm Văn Q đăng ký tại thửa đất số 57, tờ bản đồ LT-22, mục đích sử dụng làm nhà ở, diện tích 76,7m^2, biến động tăng 18,06m^2, trong đó có 6,2m^2 đất hành lang an toàn đường bộ và 11,86m^2 sử dụng ra mương An Kim H3.

Năm 2020, lập trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 hộ ông Phạm Văn Q sử dụng đất tại thửa số 57, diện tích 79,0m^2. Biến động tăng so với diện tích trong bản đồ địa chính 2001 là 2,3m^2 do tiếp tục lấn ra đất thuỷ lợi.

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất của các hộ gia đình có đất bị thu hồi thực hiện Dự án do UBND phường L báo cáo; Phòng T thẩm định, Ủy ban nhân dân quận N đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Theo kết quả thẩm định, hộ ông Q bị thu hồi 79m^2 đất, đủ điều kiện bồi thường về đất ở với diện tích 58,64m^2 nhưng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50% theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 3958/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Phạm Văn Q và Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn Q. Theo đó hộ ông Phạm Văn Q được bồi thường về đất 1.410.292.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc 616.367.281 đồng; cây cối hoa màu 1.300.000 đồng; hỗ trợ di chuyển 5.000.000 đồng; các hỗ trợ khác 41.000.000 đồng và được đủ điều kiện giao 01 suất tái định cư là đảm bảo quy định của pháp luật.

Căn cứ Bản đồ địa chính thực hiện Dự án đường 5 năm 1996 và phương án bồi thường thì phần diện tích đất còn lại sau thu hồi đất phục vụ dự án tuyến đường 5 kéo dài đủ điều kiện bồi thường là đất ở. Đối chiếu với Bản đồ địa chính phường Lạch Tray năm 2001, Trích lục địa chính năm 2020 thì phần diện tích đất biến động tăng được xác định là đất do các hộ dân chiếm dụng. Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường L đã lập biên bản vi phạm hành chính và biên bản xác minh tình tiết vi phạm đối với ông Phạm Văn Q. Việc lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính là đảm bảo đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do hành vi xây dựng trái phép nhà và công trình khác trên đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi kết thúc vào năm 2006, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên chỉ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Đối với hành vi lấn chiếm đất hành lang an toàn đường bộ được quy định cụ thể tại điểm c khoản 9 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-

CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt vẫn còn thời hiệu khởi kiện nên Chủ tịch UBND quận N, thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2540/QĐ-XPHC ngày 07 tháng 10 năm 2022; Quyết định số 2610a/QĐ-ĐC ngày 17/10/2022 đính chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 2877/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 3246/QĐ-CCXP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Q nhất trí với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2024/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào các Điều 30, 32, 116, 157, 158, 162, 163, 173, 193, 194, 206 và 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, 66, 67, 69, 71, 74, 75, 79, 83, 86 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 6, 18, 28, 38, 54, 58, 59, 65, 66, 85, 86 và 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 18; Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Khoản 1 Điều 5; điểm c khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi.

Căn cứ điểm a khoản 9; điểm đ khoản 10 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Căn cứ Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không dân dụng.

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc buộc Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc:

- Hủy Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1).

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Phạm Văn Q)

- Huỷ Quyết định 3324/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 2540/QĐ-XPHC ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 2877/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 3246/QĐ-CCXP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/5/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thống nhất với trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện như sau:

Nguồn gốc là đất do gia đình bà Trần Thị S khai hoang, vượt lập. Năm 1979, ông Q (chồng của bà H) nhận chuyển nhượng diện tích đất từ bà S, việc mua bán có lập thành văn bản và có chứng thực chữ ký của UBND phường L ngày 16/02/1994. Thực hiện Dự án Đường E, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của gia đình bà H và xác định loại đất là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi. Năm 2001, UBND phường L tiến hành khảo sát, đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà H và cấp cho gia đình bà Biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất xác định gia đình bà H sử dụng 76,7m^2. Trong suốt quá trình sử dụng đất, gia đình không có tranh chấp, không có hành vi vi phạm về đất đai nên đủ điều kiện được bồi thường 100% giá trị quyền sử dụng 76,7m^2, mục đích làm nhà ở nên phải được bồi thường 100% giá trị quyền sử dụng đất. Nhưng khi thu hồi UBND phường và quận đã xác định sai nguồn gốc đất, diện tích thu hồi (chỉ xác định và chi trả bồi thường diện tích đất 58,64m^2) là không đúng, việc cho rằng diện tích đất của gia đình bà H thuộc hồ cá Hợp tác xã N1 là không có căn cứ, không có biên bản hay quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình bà. Việc hỗ trợ tiền thuê nhà 6 tháng là không đúng vì gia đình người khởi kiện đã phải thuê chỗ ở gần 2 năm do chưa được cấp đất tái định cư.

Các quyết định: Xử phạt vi phạm hành chính; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả dựa trên các Biên bản vi phạm hành chính được lập trái luật, nên các quyết định này không hợp pháp. Đặc biệt, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2540/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 được ban hành khi đã hết thời hiệu xử lý; Việc cho rằng gia đình bà H vi phạm tự ý chuyển mục đích trái phép là điều hoàn toàn trái luật, không có căn cứ hợp pháp.

Cùng một vấn đề như nhau, nhưng UBND huyện T và UBND quận N đã có những cách giải quyết hoàn toàn khác nhau, mặc dù đều áp dụng Luật Đất đai năm 2013, là: UBND huyện T công nhận người dân được bồi thường 100% diện tích trong hạn mức đất ở và không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính còn UBND quận N người dân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50%. Năm 2022, TAND thành phố Hải Phòng nhận định rằng việc bồi thường của UBND huyện T cho gia đình nhà ông H4, bà H5 100% diện tích bị thu hồi và không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính là đúng thì nay (năm 2024) TAND thành phố Hải Phòng lại nhận định rằng việc bồi thường của UBND quận N cho gia đình bà H (phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50%) cũng là đúng. Như vậy, cùng 01 vấn đề như nhau, nhưng TAND thành phố Hải Phòng có 02 cách giải quyết khác nhau.

TAND thành phố Hải Phòng sử dụng các tài liệu không có căn cứ để giải quyết vụ án, đó là Phiếu thu thập ý kiến khu dân cư lập vào ngày 09/8/2022 được lập sai cả về trình tự lẫn nội dung. Về Thông báo số 673 ngày 18/11/2022 của UBND thành phố H, Thông báo này căn cứ vào Báo cáo 220 ngày 27/10/2022 của UBND phường L mà Báo cáo 220 này được lập trái luật, không phản ánh đúng nguồn gốc đất của bà H, nên Báo cáo này hoàn toàn không có giá trị. Thông báo số 673 dựa trên căn cứ Báo cáo 220 vì thế cũng hoàn toàn không có giá trị pháp lý. Về Bản đồ địa giới hành chính phường L, đây là bản đồ địa

giới hành chính có chức năng phân định ranh giới, mốc giới giữa phường L và các phường xung quanh, không có giá trị trong quản lý đất đai. Vì vậy, việc TAND thành phố Hải Phòng sử dụng tài liệu này để giải quyết vụ án là hoàn toàn không có cơ sở. Đối với Biên bản kiểm tra lập ngày 13/4/1994 đối với gia đình ông Phạm Văn Q, tài liệu này là bản phô tô, không có công chứng, chứng thực và không được phía bà Nguyễn Thị Thu H thừa nhận, nên tài liệu này không phù hợp với quy định của Điều 82 - Luật Tố tụng hành chính.

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H là hoàn toàn có căn cứ, hợp pháp. TAND thành phố Hải Phòng trong quá trình giải quyết vụ án đã hoàn toàn không đánh giá đầy đủ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, chấp nhận những lời trình bày không có căn cứ bên phía người bị kiện mà chúng tôi đã viện dẫn trên, từ đó bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì lẽ đó, kính đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Q và những người đại diện theo ủy quyền của ông Q đồng tình với quan điểm của bà H và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Về nội dung: Các quyết định của Ủy ban nhân dân quận N và Chủ tịch UBND quận N, thành phố Hải Phòng ban hành đúng trình tự, thủ tục và nội dung. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Người khởi kiện được gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hải phòng đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, người bị kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Bộ luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện đảm bảo thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính

- Về thẩm quyền giải quyết: Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính là đúng

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chi tiết cụ thể từng vấn đề và các quyết định có liên quan cụ thể như sau:

[2.1] Ngoài xem xét các Quyết định số 3133; 3148, 3324, 2540; 3246 Tòa án cấp sơ thẩm còn xem xét đánh giá tính hợp pháp của Quyết định số 3958 và Quyết định số 2610a.

[2.2] Về thẩm quyền ban hành các Quyết định là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 18, 28, 38, 54 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[2.3] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 09 tháng 9 năm 2022, Ủy ban nhân dân phường L lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 14 đối với ông Phạm Văn Q do đã có hành vi chiếm dụng đất làm hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở và hành vi xây dựng nhà ở, cầu kè, nơi sản xuất và các công trình kiên cố khác không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, để đảm bảo sự chính xác về đối tượng, hành vi vi phạm nên UBND phường L đã lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 14 ngày 16/9/2022 đối với ông Phạm Văn Q. Các biên bản trên cơ bản đảm bảo đúng quy định tại Điều 58, Điều 59 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[2.4] Quá trình xem xét hồ sơ của ông Phạm Văn Q xác định ông Q có hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất có diện tích 19,43m^2 thuộc một phần thửa đất số 57 trích lục địa chính 69/2020-TL tỷ lệ 1/500 do Trung tâm K1 lập ngày 13/5/2020 thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1). Phần diện tích trên bao gồm: Kho 6,2m^2 là đất hành lang an toàn đường bộ và 13,23m^2 là đất trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi. Hiện trạng là nhà 02 tầng trên phần diện tích đã chiếm. Do hành vi xây dựng nhà trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ nên Chủ tịch UBND quận N không ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với hành vi trên.

[2.5] Đối với hành vi chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ HĐXX thấy mặc dù Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 lập ngày 13/5/2020 xác định diện tích bị thu hồi của bà H, ông Q là 79m^2 nhưng chưa xác định được diện tích vi phạm của hộ bà H, ông Q là bao nhiêu. Tại Trích đo hiện trạng tỷ lệ 1/500, hệ toạ độ VN-2000; Lo = 105 45 được lập ngày 08/9/2022 mới xác định được diện tích vi phạm nên ngày 09/9/2022 UBND phường lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Q và xác định hành vi chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ là hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, vẫn còn thời hiệu theo mục 2 khoản 2 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ và Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND quận N đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Q về hành vi này là đúng quy định của pháp luật.

[2.6] Do phát hiện Quyết định số 2540 có sai sót về kỹ thuật soạn thảo văn bản nên ngày 17/10/2022 Chủ tịch UBND quận N đã ban hành Quyết định số 2610a/QĐ-ĐC về việc đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với quy định tại tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử phạt vi phạm hành chính.

[2.7] Sau khi ban hành Quyết định số 2540/QĐ-XPHC ngày 07 tháng 10 năm 2022, do Ủy ban nhân dân phường L có báo cáo về việc điều chỉnh các báo cáo xác định nguồn gốc sử dụng đất, có sai sót trong việc xác định diện tích và hành vi vi phạm của ông Q. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N đã ban hành Quyết định số 2877/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 2540/QĐ-XPHC, cụ thể: Xác định phần diện tích là 20,36m^2; trong đó lấn chiếm 6,2m^2 đất hành lang đường bộ; xây dựng nhà trên phần diện tích 14,16m^2 trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi cũng như lý do không xử phạt là do hết thời hiệu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 2877/QĐ-SĐBSHB sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định số 2540/QĐ-XPHC là phù hợp với quy định tại tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử phạt vi phạm hành chính.

[2.8] Về nội dung của quyết định: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu H giao nộp cho Tòa án bản phô tô đơn nhượng lại nhà ở. Trong nội dung đơn có ghi "… tên tôi là Trần Thị S ở tại số B L nay là số B đường N (số nhà mới) …gia đình tôi nhượng lại cho vợ chồng anh Phạm Văn Q … một nửa diện tích 120m^2..." được UBND phường L xác nhận ngày 16/02/1994 với nội dung " UBND phường L xác nhận chữ ký của bà Trần Thị S ở tại số nhà B L, N, Hải Phòng". Theo bản đồ địa chính đường 5 năm 1996 ông Phạm Văn Q đứng tên tại thửa đất số 85, 85a, 85b, diện tích sử dụng là 140,64m^2, phần diện tích biến động tăng 20,64m^2 so với Đơn nhượng lại nhà ở có xác nhận của UBND phường L ngày 16/02/1994 là do ông Q tự san lấp sau khi có đường bao phía Nam, diện tích 20,64m^2 đã được thu hồi dự án đường 5 năm 1997, diện tích trong chỉ giới thu hồi 82m^2 (thực tế thu hồi là 81,07m^2 trong đó biến động giảm 0,93m^2 do sai khác thực tế kiểm tra đất đai); diện tích còn lại 58,64m^2 là do hộ bà S tự ý chuyển mục đích sử dụng đất làm nhà ở trước ngày 15/10/1993. Hiện tại hộ ông Q sử dụng ổn định, không tranh chấp. Năm 2001 đo vẽ bản đồ địa chính phường, ông Phạm Văn Q đăng ký tại thửa đất số 57, tờ bản đồ LT-22, mục đích sử dụng làm nhà ở, diện tích 76,7m^2, biến động tăng 18,06m^2, trong đó có 6,2m^2 đất hành lang an toàn đường bộ và 11,86m^2 sử dụng ra mương An Kim H3. Năm 2020, lập trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 hộ ông Phạm Văn Q sử dụng đất tại thửa số 57, diện tích 79,0m^2. Biến động tăng so với diện tích trong bản đồ địa chính 2001 là 2,3m^2, do tiếp tục lấn ra đất thuỷ lợi. Diện tích tăng thêm này phù hợp với trích đo hiện trạng tỷ lệ 1/500, hệ toạ độ VN-2000;

Lo = 105 45 khu đất giáp đường N đoạn từ cầu vượt Lạch Tray đến đường V dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ, quận N thuộc địa phận phường L, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 08/9/2022.

[2.9] Hộ ông Q, bà H cho rằng căn cứ vào Trích lục địa chính phường lập năm 2001 thì gia đình là chủ sử dụng hợp pháp của diện tích 76,7m^2 đất. Hội đồng xét xử thấy theo Trích lục địa chính lập năm 2020 thì 20,36m^2 đất (79m^2 - 58,64m^2) hộ ông Q (vợ là H) sử dụng trong đó có 6,2m^2 đất hành lang đường bộ và xây dựng nhà trên phần diện tích 14,16m^2 trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi. Điều này cũng phù hợp với kết luận của Đoàn kiểm tra tại Biên bản kiểm tra số 18/BBKT ngày 13 tháng 4 năm 1994 do Sở Thủy lợi thành phố H và Ủy ban nhân dân phường L lập với nội dung: Ông Phạm Văn Q đã có hành vi chiếm đất, xây dựng nhà trên dải hành lang kênh An Kim H3; gia đình ông Q phải đình chỉ ngay về việc xây dựng, tự tháo dỡ nhà, di chuyển toàn bộ người và tài sản về nơi ở cũ để trả lại mặt bằng cho Sở Thủy lợi quản lý chậm nhất là ngày 30 tháng 4 năm 1994. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 2540/QĐ-XPHC ngày 07 tháng 10 năm 2022 về xử phạt vi phạm hành chính với ông Phạm Văn Q về hành vi lấn chiếm đất hành lang đường bộ với hình phạt chính là phạt tiền 17.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 9 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là "Buộc phải phá dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra" là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 10 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và điểm s khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không dân dụng. Đối với hành vi xây dựng nhà trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà chỉ ra Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi trên là "Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép" là phù hợp với điểm b khoản 7 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi.

[2.10] Do ông Phạm Văn Q không thực hiện Quyết định số 2540/QĐ-XPHC; Quyết định 2160a/QĐ-ĐC và Quyết định số 2877/QĐ-SĐBSHB nên ngày 23 tháng 11 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3246/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo đúng quy định tại các điều 85, 86 và 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất, Hội đồng xét xử thấy:

[2.11] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định: Ngày 11 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 1352/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Ngô Quyền . Ủy ban nhân dân quận N đã ban hành Thông báo số 284/TB-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc thu hồi đất; đảm bảo trong thời hạn 180 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật Đất đai năm 2013. Việc thu hồi đất với mục đích thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) là phù hợp với quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013. Đến ngày 17/11/2022 UBND quận N đã ban hành Quyết đinhh 3133 với nội dung thu hồi 58,64m^2 đất của hộ gia đình ông Phạm Văn Q thuộc một phần thửa đất số 57 Trích lục địa chính số 69/2020/TL. Về thẩm quyền, Ủy ban nhân dân quận N ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn Q là đúng quy định tại Điều 66 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.12] Về nội dung quyết định thu hồi đất: Hộ ông Q được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (sau khi đã bị thu hồi một phần vào năm 1996) là 58,64m^2. Tuy hộ ông Q, bà H cho rằng diện tích đất bị thu hồi của ông bà phải là 76,7m^2 nhưng hộ ông Q không có tài liệu, chứng cứ chứng minh mình là chủ sử dụng hợp pháp của diện tích đất này. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân quận N ban hành quyết định thu hồi đất của hộ ông Q với diện tích 58,64m^2 đất là có căn cứ.

[2.13] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H về việc hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 17 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3133/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Q; cùng ngày Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3148/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (trong đó có phương án của hộ ông Q) là đúng thẩm quyền và thời hạn ban hành quyết định theo quy định tại Điều 66 và Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.14] Theo Phương án bồi thường, ngày 30/12/2022 UBND quận N đã ban hành Quyết định số 3958/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phạm Văn Q có nhà, đất thu hồi thực hiện Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N Theo quyết định trên thì hộ ông Q được bồi thường với tổng số tiền là 2.073.959.281 đồng; tăng so với quyết định 3148/QĐ-UBND là 348.000.000 đồng. Bà H cho rằng hộ gia đình bà phải được nhận 100% tiền bồi thường về đất với diện tích 76,7m^2 theo Trích lục địa chính phường lập năm 2001, việc Ủy ban nhân dân quận N xác định sai nguồn gốc đất dẫn đến việc trừ 50% tiền bồi thường về đất của gia đình bà là không đúng.

Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đã phân tích ở trên và nội dung trả lời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các hộ dân tại quận N ban hành kèm theo Thông báo số 673/TB-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H thì đất của các hộ dân (trong đó có hộ ông Q) đang sử dụng nguyên là hồ cá của Hợp tác xã N1, tự vượt lập từ năm 1960 đến năm 1980 (tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ đất ao thành đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993). Điều này cũng phù hợp với lời khai của bà H về nguồn gốc diện tích đất do khai hoang, vượt lập của bà Trần Thị S. Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất, bà N đã có hành vi vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Tại thời điểm Ủy ban nhân dân quận N thực hiện việc thu hồi đất vào năm 2022, không có văn bản, tài liệu thể hiện diện tích đất trên đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở. Tuy nhiên, vì hộ ông Q đã xây dựng nhà và sinh sống ổn định trên đất nhiều năm, không có tranh chấp; việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch. Vì vậy, Ủy ban nhân dân quận N đã xác định, sau khi bị Nhà nước thu hồi đất vào năm 1996, diện tích đất còn lại của hộ ông Phạm Văn Q là 58,64m^2 và thuộc trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân quận N lập phương án bồi thường về đất cho hộ ông Q với diện tích được bồi thường là 58,64m^2 nhưng trừ 50% số tiền được bồi thường là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 74; Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 6 Nghi định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

[2.15] Ông Phạm Văn Q không chấp hành quyết định thu hồi đất mặc dù đã được vận động, thuyết phục. Vì vậy, ngày 28 tháng 11 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3324/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 và khoản 3 Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013. Việc người khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất cho rằng gia đình bà không nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và việc Chủ tịch UBND ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế dựa trên căn cứ là các quyết định thu hồi đất trái pháp luật. HĐXX thấy Chủ tịch UBND quận N đã ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất 3324/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 đối với hộ ông Phạm Văn Q. Ngày 30/11/2022 UBND phường L đã tiến hành giao Quyết định trên cho ông Q nhưng ông Q không nhận Quyết định và không ký biên bản. Do vậy UBND phường đã lập biên bản và có xác nhận của UBND phường L. Do Quyết định cưỡng chế và hành vi tổ chức cưỡng chế là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2.16] Phía người khởi kiện cho rằng khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, Ủy ban nhân dân quận N áp dụng đơn giá bồi thường chưa chính xác bởi lẽ diện tích đất của hộ ông Q nằm ở hai mặt đường gồm đường N và đường B (hình thành năm 2018). Vì vậy, đơn giá đất phải được tăng thêm 10% theo điểm d khoản 1 Điều 11 quy định về bảng giá đất thành phố năm 2020-2024 ban hành

kèm theo Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố H. Như đã phân tích ở trên, diện tích đất của hộ bà H được Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định thu hồi đất và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ có diện tích 58,64m^2; đối với phần diện tích còn lại (có vị trí tiếp giáp với phần đất bị thu hồi) được xác định là phần đất vi phạm nên không thuộc trường hợp được áp dụng điểm d khoản 1 Điều 11 Quy định về bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

[2.17] Người khởi kiện cho rằng khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, Ủy ban nhân dân quận N chỉ hỗ trợ cho hộ gia đình bà 06 tháng tiền thuê nhà là không đúng vì hiện tại gia đình bà vẫn chưa nhận được đất tái định cư và vẫn đang phải đi thuê nhà ở. Hội đồng xét xử thấy: Tại khoản 3 Điều 27 Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H quy định: "*Người bị thu hồi đất ở, nhà ở mà không còn chỗ ở nào khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư) được bố trí nhà ở tạm lánh hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian 06 tháng là 30.000.000 đồng/hộ*". Như vậy, việc Ủy ban nhân dân quận N và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với số tiền hỗ trợ thuê nhà tạm lánh trong thời gian tạo lập chỗ ở mới là 30.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Thị Thu H cũng không đưa ra được căn cứ mới nào, do đó Hội đồng xét xử thấy tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là đúng.

Hội đồng xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2024/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án

số 0000351 ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng